

**KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CHI CỤC PHÁT HÀNH KHO QUỸ
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH VÀ 08 NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2019-2020**

(Cụm thi tại TP. Hồ Chí Minh)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)	(11)
I	NHNN CN TP.HỒ CHÍ MINH (Chỉ tiêu: 03)										
1	NV 4012	Nguyễn Hoàng	Hùng	20-11-1994		CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 4039	Đoàn Ái Quỳnh	Trang		26-3-1995	CVNV			79	79	Trúng tuyển
3	NV 4008	Vũ Thị Thúy	Hằng		14-03-1993	CVNV			77	77	Trúng tuyển
4	NV 4031	Nguyễn Ngọc	Quý	14-3-1996		CVNV			74	74	
5	NV 4007	Lê Thị Thúy	Hạnh		8-3-1992	CVNV			72	72	
6	NV 4015	Vũ Nguyệt	Khánh		08-8-1986	CVNV	Con TB	5	65	70	
7	NV 4017	Vũ Thị	Lan		07-6-1992	CVNV			69	69	
8	NV 4041	Tạ Linh	Trang		09-7-1993	CVNV			68	68	
9	NV 4037	Nguyễn Thị	Thom		18-01-1990	CVNV			66	66	
10	NV 4025	Phạm Nguyễn Ngọc	Nam	30-6-1995		CVNV			65	65	
11	NV 4036	Phạm Thị Thu	Thảo		26-11-1995	CVNV			65	65	
12	NV 4040	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Trang		28-4-1988	CVNV			65	65	
13	NV 4029	Trần Thị Phương	Nhi		02-12-1997	CVNV			64	64	
14	NV 4042	Nguyễn Thảo	Uyên		24-11-1990	CVNV			63	63	
15	NV 4023	Nguyễn Công	Minh	06-10-1992		CVNV			62	62	
16	NV 4026	Giáp Hoàng Bảo	Ngân		01-1-1984	CVNV			61	61	
17	NV 4020	Nguyễn Thị Thùy	Linh		03-2-1991	CVNV			60	60	
18	NV 4045	Đặng Huyền Kim	Yến		15-4-1989	CVNV			60	60	
19	NV 4043	An Quốc	Việt	21-11-1994		CVNV			59	59	
20	NV 4044	Nguyễn Huỳnh Minh	Vương		24-9-1992	CVNV			58	58	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)	(11)
21	NV 4011	Lê Minh	Hoàng	09-02-1995		CVNV			55	55	
22	NV 4014	Trần Đức	Khánh	26-10-1990		CVNV	HT nghĩa vụ quân sự	2.5	52	54.5	
23	NV 4004	Vũ Trung	Dũng	05-3-1987		CVNV			54	54	
24	NV 4035	Phạm Kim Loan	Thảo		17-1-1990	CVNV			54	54	
25	NV 4002	Nguyễn Phan Trâm	Anh		03-02-1995	CVNV			52	52	
26	NV 4005	Trần Ngọc Trà	Giang		28-3-1996	CVNV			52	52	
27	NV 4009	Trần Lê Nguyễn	Hiệp	01-11-1995		CVNV			52	52	
28	NV 4034	Trần Thị	Tuyền		30-6-1992	CVNV			52	52	
29	NV 4027	Nguyễn Xuân	Ngọc		18-10-1995	CVNV					Vắng
30	NV 4028	Nguyễn Thanh	Nhi		15-10-1988	CVNV					Vắng
II CHI CỤC PHÁT HÀNH KHO QUỸ TẠI TP.HCM (Chỉ tiêu: 02)											
1	NV 4050	Nguyễn Thị Kim	Ngân		01-12-1992	CVNV			70	70	Trúng tuyển
2	NV 4051	Đặng Công	Thành	21-7-1988		CVNV			68	68	Trúng tuyển
3	NV 4048	Đỗ Hải	Ly		25-01-1998	CVNV			62	62	
4	NV 4049	Trần Ngọc Huyền	Mi		02-8-1994	CVNV			58	58	
III NHNN CN BÀ RỊA VŨNG TÀU (Chỉ tiêu: 01)											
1	NV 4054	Hứa Ngô Minh	Châu		06-11-1996	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 4060	Võ Công	Vũ	18-04-1992		CVNV			78	78	
3	NV 4056	Nguyễn Thị	Minh		13-05-1994	CVNV			75	75	
4	NV 4059	Bùi Thị	Thu		14-12-1992	CVNV			72	72	
5	NV 4055	Phạm Thị	Dung		10-02-1994	CVNV			69	69	
6	NV 4058	Phạm Thị Thu	Thảo		04-11-1989	CVNV			62	62	
IV NHNN CN BÌNH DƯƠNG (Chỉ tiêu: 03)											
1	NV 4076	Nguyễn Thị	Thúy		24-12-1991	CVNV	Con BB	5	77	82	Trúng tuyển
2	NV 4073	Tạ Vương Bách	Như		22-09-1993	CVNV	Dân tộc Hoa	5	76	81	Trúng tuyển
3	NV 4075	Đậu Thị Hoài	Thanh		02-09-1990	CVNV			75	75	Trúng tuyển
4	NV 4063	Nguyễn Minh	Hiếu	13-01-1997		CVNV			73	73	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)	(11)
5	NV 4070	Nguyễn Ngọc	Ngân		22-11-1997	CVNV			70	70	
6	NV 4065	Nguyễn Bảo	Hoài		29-07-1991	CVNV			67	67	
7	NV 4080	Nguyễn Thị	Vân		16-01-1989	CVNV	Con BB	5	55	60	
8	NV 4079	Trần Ngọc	Trân		22-04-1996	CVNV			59	59	
9	NV 4071	Trịnh Trần Kim	Ngân		09-10-1994	CVNV			56	56	
10	NV 4064	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Hòa		23-09-1994	CVNV			55	55	
11	NV 4067	Nguyễn Văn	Hón	01-01-1990		CVNV			55	55	
12	NV 4069	Nguyễn Đình	Mạnh	19-11-1989		CVNV			54	54	
13	NV 4077	Trương Thị Minh	Thư		30-12-1997	CVNV			52	52	
14	NV 4081	Ngô Hoàng	Việt	25-10-1992		CVNV			51	51	
V	NHNN CN ĐÔNG NAI (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 4086	Lê Thị Thanh	Lộc		08-06-1993	CVNV	Con TB	5	79	84	Trúng tuyển
2	NV 4094	Nguyễn Hữu	Xạ	20-09-1993		CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 4088	Lê Thị Bích	Ngọc		05-09-1996	CVNV			75	75	
4	NV 4091	Huỳnh Phương	Quanh		05-04-1996	CVNV			72	72	
5	NV 4089	Huỳnh Thị Yến	Nhi		10-09-1992	CVNV			67	67	
6	NV 4093	Lý Minh	Trang		17-08-1991	CVNV			66	66	
7	NV 4084	Phạm Thanh	Giang		16-8-1993	CVNV			65	65	
8	NV 4090	Đặng Thúy	Oanh		14-08-1994	CVNV			60	60	
9	NV 4082	Hoàng Minh	Đạt	05-12-1986		CVNV			59	59	
10	NV 4083	Bùi Hoài	Đức	06-10-1995		CVNV			57	57	
11	NV 4087	Trịnh Ngọc Kim	Ngân		16-07-1990	CVNV			56	56	
VI	NHNN CN LONG AN (Chỉ tiêu: 03)										
1	NV 4101	Tiêu Ngọc	Linh		8-10-1990	CVNV			82	82	Trúng tuyển
2	NV 4106	Hà Phương	Thảo		15-3-1990	CVNV			79	79	Trúng tuyển
3	NV 4100	Uông Trường	Khánh	12-4-1993		CVNV			78	78	Trúng tuyển
4	NV 4097	Phạm Ngọc	Diễm		18-9-1991	CVNV			75	75	
5	NV 4104	Nguyễn Thị Yến	Như		06-05-1992	CVNV			72	72	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đổi trọng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)	(11)
6	NV 4099	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		01-01-1988	CVNV			60	60	
7	NV 4107	Nguyễn Thị Phương	Trinh		01-06-1994	CVNV			58	58	
8	NV 4096	Huỳnh Thị Hồng	Diễm		01-04-1997	CVNV			55	55	
9	NV 4108	Trương Thị Thanh	Trúc		8-10-1984	CVNV			52	52	
VII NHNN CN BÌNH THUẬN (Chỉ tiêu: 02)											
1	NV 4122	Lưu Thị Thanh	Thùy		21-03-1983	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 4112	Phạm Thị Phương	Anh		04-06-1998	CVNV			78	78	Trúng tuyển
3	NV 4116	Vũ Thị Linh	Huệ		15-08-1993	CVNV	Con BB	5	72	77	
4	NV 4126	Trang Thị Thùy	Trinh		20-11-1992	CVNV			71	71	
5	NV 4124	Trần Thị Hà	Thương		10-06-1992	CVNV			69	69	
6	NV 4110	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		10-08-1992	CVNV	Con TB	5	60	65	
7	NV 4123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy		05-09-1992	CVNV			62	62	
8	NV 4128	Lương Hoài	Viên	16-11-1994		CVNV			60	60	
9	NV 4125	Huỳnh Hoài	Trang		05-01-1995	CVNV			55	55	
10	NV 4127	Đào Nguyễn Tường	Vân		04-07-1996	CVNV			55	55	
VIII NHNN CN TÂY NINH (Chỉ tiêu: 02)											
1	NV 4132	Phan Thị Ngọc	Giàu		01-7-1990	CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 4129	Nguyễn Xuân	An	23-02-1989		CVNV			74	74	Trúng tuyển
3	NV 4142	Đào Thị	Uyên		04-7-1996	CVNV			70	70	
4	NV 4130	Nguyễn Đức	Anh	05-9-1991		CVNV			68	68	
5	NV 4135	Hứa Ngọc	Lợi	07-01-1990		CVNV			67	67	
6	NV 4136	Nguyễn Thị	Lý		07-9-1997	CVNV			65	65	
7	NV 4141	Trần Thị Bích	Tuyền		10-01-1986	CVNV			62	62	
8	NV 4140	Nguyễn Thị Mỹ	Quý		13-11-1990	CVNV			60	60	

ƯỚ
W

K

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)	(11)
IX	NHNN CN TIỀN GIANG (Chỉ tiêu: 02)										
1	NV 4158	Nguyễn Mạnh	Trình	26-05-1998		CVNV			80	80	Trúng tuyển
2	NV 4149	Tổng Hữu	Lượng	13-10-1992		CVNV			79	79	Trúng tuyển
3	NV 4152	Võ Lý Quỳnh	Như		28-04-1997	CVNV			75	75	
4	NV 4156	Nguyễn Thị Lệ	Thu		08-12-1985	CVNV			74	74	
5	NV 4159	Nguyễn Phương	Uyên		26-06-1993	CVNV	Con đẻ người HD kháng chiến nhiễm chất độc HH	5	67	72	
6	NV 4151	Huỳnh Kim	Ngôn		23-07-1988	CVNV			71	71	
7	NV 4143	Lê Ngọc Bửu	Châu		24-08-1995	CVNV			69	69	
8	NV 4150	Trần Thị Ngọc	Nữ		19-07-1989	CVNV			65	65	
9	NV 4154	Nguyễn Thị Kim	Thanh		07-12-1998	CVNV			62	62	
10	NV 4160	Ngô Thị Huỳnh	Vân		26-08-1992	CVNV			60	60	
11	NV 4147	Lê Trần Thanh	Khiết	25-05-1992		CVNV			59	59	
12	NV 4144	Lợi Quốc	Chí	19-12-1994		CVNV					Vắng

VIỆT N

18